

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 222/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v Ly hôn giữa chị T và anh

Phường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Quỳ

2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. (*vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

2. Bị đơn: Anh Trương Văn P, sinh năm 1993; Trú tại: Ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Trương Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh P thường xuyên ăn nhậu về đánh đập chị nhiều lần. Từ đó, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay chị T nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Trương Ngọc Hạ V, sinh ngày 06/6/2016, hiện cháu đang chung sống với anh P. Chị đồng ý giao cháu V cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trương Văn P trình bày:

Anh P thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do nghi ngờ chị T có quan hệ phức tạp ngoài xã hội nên vợ chồng cự cãi dẫn đến đánh nhau, từ đó chị T bỏ đi nơi khác sống ly thân. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh P không đồng ý ly hôn, do còn thương chị T. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn, anh P có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh P yêu cầu được giành quyền nuôi cháu V cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Trương Văn P.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Ngọc Hạ V, sinh ngày 06/6/2016 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị T và anh P xác định không có.

Về nghĩa vụ chung: Chị T và anh P xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị T và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, có cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường xuyên ăn nhậu về đánh đập vợ. Ngoài ra, anh P nghi ngờ chị T có mối quan hệ xã hội phức tạp bên ngoài. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhiều lần cự cãi nhau nên đã sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị T đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh P. Tại phiên tòa, anh P không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, chị T xin ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung: Cháu Trương Ngọc Hạ V, sinh ngày 06/6/2016. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đồng ý giao cháu V cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Tài sản chung:* Chị T và anh P xác định không có.

[2.4] *Nghĩa vụ chung:* Chị T và anh P xác định không có.

[3] *Án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Trương Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Ngọc Hạ V, sinh ngày 06/6/2016 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị T, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với chị T. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung: Chị T và anh P xác định không có.

4. Về nghĩa vụ chung: Chị T và anh P xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013093 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Công nhận chị T đã nộp xong.

6. Án tuyên công khai, vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thơm

Nguyễn Xuân Quỹ

Võ Minh Phụng

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng